

Số: 07/2025/QĐST-HNGĐ

Quan Hóa, ngày 13 tháng 02 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân - gia đình thụ lý số 114/2024/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị T – Sinh năm: 1995

Địa chỉ: Bản Thành Tân, xã Thành Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Hà Văn Q - Sinh năm: 1992

Địa chỉ: Bản Hán, xã Hiền Chung, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Đoàn Văn Dương – Trợ giúp viên pháp lý

Địa chỉ: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hoá

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điểm đ khoản 1, khoản 3 Điều 12, Điều 14, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 02 năm 2025

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 02 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lò Thị T và anh Hà Văn Q.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Hà Văn Q thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cháu Hà Anh Đại - sinh ngày: 09/08/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Vấn đề cấp dưỡng tiền nuôi con chung, vợ chồng thống nhất không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

2.3. Về tài sản chung và công, nợ chung: Chị T và anh Q không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về án phí: Các đương sự thoả thuận chị T nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị Tập thuộc đối tượng người dân tộc thiểu số (Dân tộc Thái) sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn phần án phí ly hôn sơ thẩm chị phải nộp là 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng). Chị T còn phải nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA – TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Quan Hóa (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Quan Hóa, T. Thanh Hóa;
- UBND X.Hiền Chung, H. Quan Hóa, T. Thanh Hóa;
- UBND X.Thành Sơn, H. Quan Hóa, T. Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Văn Hùng